

Bản án số: 157/2019/HS-ST

Ngày: 12-11-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Hải
2. Bà Bùi Thị Thúy Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Dương Thị Hải Yến – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 146/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 869/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Âu Vương T, (tên gọi khác: không), giới tính: Nam, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Số CMND: 025819731 cấp ngày 26/5/2014 do Công an TPHCM cấp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 370/50 Võ Văn K, Phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 370/50 Võ Văn K, Phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ bếp; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Âu Dương T, sinh năm 1963 và bà Vương Trọng T, sinh năm 1963; có vợ Võ Thị Thùy A, sinh năm 1999 (chưa đăng ký kết hôn); có 01 con là Võ Lê Thành C, sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/7/2019 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Bị hại: Bà Hàng Nhựt H, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 688/2 Phạm Thế H, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 15/94 C, Phường Ô, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Trần Hoàng N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: 100/52/8 Thích Quảng Đ, Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: 123 T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Lê Khánh T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: 774 B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 451/6 Hai Bà T, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 40 phút ngày 11/7/2019, trong lúc Âu Vương T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 59L1-14424 xe của ông Nguyễn Văn L, đến công bến xe buýt, khu C công viên 23/9 đường L, Phường P, Quận 1 thì phát hiện chị Hàng Nhựt H điều khiển xe gắn máy đi cùng chiều phía trước, bên phải túi quần chị H đang mặc lòi ra một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng. Nảy sinh ý định cướp giật tài sản, T liền điều khiển xe gắn máy áp sát bên phải và dùng tay trái giật chiếc điện thoại của chị H. Sau khi giật được tài sản T tăng ga bỏ chạy, chị H liền tri hô, cùng lúc này có các anh Trần Ngọc V, Nguyễn Trần Hoàng N (Công an Phường Phạm Ngũ Lão), Nguyễn Thái D (Công an Quận 1) đi tuần tra, anh Lê Khánh T (người dân đi đường) chứng kiến sự việc truy đuổi đến giao lộ Nguyễn Thị N – Lê L, do không làm chủ được tốc độ nên T bị ngã xe xuống đường. Các anh N, V, D liền bắt giữ T cùng vật chứng đưa về phường P, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; sau đó chuyển cơ quan CSĐT Công an Quận 1 xử lý.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 243/KL-HĐĐGTS ngày 15/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng, trị giá 4.763.000 đồng

Tại cơ quan điều tra, Âu Vương T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 151/CT-VKSQ1 ngày 16/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Âu Vương T về tội “Cướp giạt tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Âu Vương T đã phạm tội “Cướp giạt tài sản” được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại cho bị hại, thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm tù đến 03 (năm) 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng, bên ngoài ốp lưng nhựa trong suốt đã thu hồi trả lại bị hại là chị Hàng Nhựt H, chị H không có yêu cầu nào nên không xem xét.

- 01 xe gắn máy biển số 59L1-14424, số khung RLHHC1206BY070376, số máy HC12-E2870418. Qua xác minh xe do ông Nguyễn Văn L đứng tên sở hữu, ông Long khai cho T mượn xe đi công việc không biết T sử dụng làm phương tiện đi cướp giạt tài sản, ông L xin nhận lại chiếc xe. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đang tạm giữ (Theo phiếu nhập kho vật chứng số 248/19-PNK ngày 23/7/2019)

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh số Imei 357744050646084; 01 quần thun dài màu đen, 01 áo thun ngắn tay màu xám thu giữ của bị cáo T. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đang tạm giữ. (Theo phiếu nhập kho đồ vật, tài liệu số 147/19-PNK ngày 23/7/2019).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Âu Vương T đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, biên bản bắt người phạm tội quả tang,... nên

có căn cứ để kết luận, khoảng 14 giờ 40 phút ngày 11/7/2019 bị cáo Âu Vương T đã có hành vi sử dụng xe gắn máy giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng là tài sản của chị H rồi tăng ga xe bỏ chạy và sau đó bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Âu Vương T đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, bị cáo sử dụng xe gắn máy chiếm đoạt tài sản là sử dụng phương tiện nguy hiểm có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần có mức án nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại cho bị hại, thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng, bên ngoài ốp lưng nhựa trong suốt đã thu hồi trả lại bị hại, chị H không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với xe gắn máy biển số 59L1-14424, số khung RLHHC1206BY070376, số máy HC12-E2870418. Qua xác minh xe do ông Nguyễn Văn L đứng tên sở hữu. Ngày 11/7/2019, ông L cho T mượn xe đi công việc không biết T sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, ông T đề nghị

xin nhận lại chiếc xe. Hội đồng xét xử nhận thấy xe gắn máy trên không liên quan đến vụ án trên nên cần trả lại chiếc xe trên cho ông L.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của bị cáo T và 01 quần thun màu đen, 01 áo thun ngắn tay màu xám không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Âu Vương T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Âu Vương T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2019.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Âu Vương T 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 357744050646084, 01 quần thun dài màu đen, 01 áo thun ngắn tay màu xám.

(Theo Phiếu nhập kho đồ vật, tài liệu số: 147/19-PNK ngày 23/7/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn L 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda, biển số 59L1-144.24, màu đỏ đen bạc, số khung: RLHHC1206BY070376, số máy: HC12E2870418.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 248/19-PNK ngày 23/7/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Âu Vương T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Âu Vương T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Công an Quận 1, TP.HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp TP.HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Vinh